

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển hệ liên thông với người đã có trình độ đại học hình thức đào tạo vừa làm vừa học ngành Ngôn ngữ Anh K5

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-TTg ngày 23/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học trực thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐTTĐHKH ngày 29/3/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Khoa học ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học; Nghị quyết số 34/NQ-HĐTTĐHKH ngày 20/9/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Khoa học sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 30/NQ-HĐTTĐHKH;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-ĐHTN ngày 28/7/2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của ĐHTN;

Căn cứ Quyết định số 1314/QĐ-ĐHKH ngày 13/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Khoa học;

Căn cứ Công văn số 3432/ĐHTN-ĐT&QLNH ngày 04/7/2025 của Đại học Thái Nguyên về việc phê duyệt chỉ tiêu và cho phép mở lớp ĐH hệ VLVH của Trường ĐHKH năm 2025;

Căn cứ Công văn số 3913/ĐHTN-ĐT&QLNH ngày 29/7/2025 của Đại học Thái Nguyên về việc phê duyệt phương án điểm chuẩn trúng tuyển đại học hình thức vừa làm vừa học của Trường Đại học Khoa học năm 2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 55 thí sinh trúng tuyển vào học đại học hệ liên thông với người đã có trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học ngành Ngôn ngữ Anh K5 liên kết đào tạo tại Trường Đại học Tân Trào (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (t/h);
- BGH (b/c);
- Trường Đại học Tân Trào;
- Phòng CTHSSV, KH-TC, KT&ĐBCLGD, Khoa NN&VH (t/h);
- QLVB;
- Lưu: VT, ĐT. (5) 

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phạm Thế Chính

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐÃ CÓ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VLVH
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH K5 - ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO THÁNG 7 - 2025
(XÉT TUYỂN DỰA VÀO KẾT QUẢ ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG TÍCH LŨY TOÀN KHÓA VĂN BẰNG ĐẠI HỌC THỨ NHẤT)
(Kèm theo Quyết định số: 1588/QĐ-ĐHKH ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐH Khoa học)

STT	Mã TS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Đối tượng	Khu vực	Điểm TBCKT (Hệ 4)	Điểm TBCKT (Hệ 10)	Điểm xét tuyển + ưu tiên	Ngành TN Văn bằng 1
1	VB2TQK5.50	Nguyễn Thị Linh Thảo	20.03.1991	Nữ	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		8.73	18.21	Văn Hóa Học
2	VB2TQK5.19	Bùi Thị Lan Anh	26.05.1995	Nữ	Kinh	Huyện Sơn Dương, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		8.68	18.11	Giáo dục tiểu học
3	VB2TQK5.14	Sùng Đức Long	27.07.1988	Nam	Hmông	Huyện Đoan Hùng, Phú Thọ	7220201	Ngôn ngữ Anh	UT2	2-NT		8.15	17.80	Y Đa khoa
4	VB2TQK5.35	Phạm Quang Huy	26.10.1986	Nam	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		8.49	17.73	Quản trị kinh doanh
5	VB2TQK5.54	Nguyễn Thị Huệ	30.03.1986	Nữ	Tày	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	UT1	1		7.47	17.69	Xét nghiệm y học
6	VB2TQK5.38	Phạm Trung Nghĩa	29.05.1989	Nam	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		8.43	17.61	Tài chính - Ngân hàng
7	VB2TQK5.08	Nguyễn Thị Khánh Hạ	28.12.1995	Nữ	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		8.16	17.07	Xây dựng Đảng và chính quyền NN
8	VB2TQK5.52	Nguyễn Thành Lâm	05.03.1994	Nam	Kinh	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		7.99	16.73	Kỹ thuật hình ảnh y học
9	VB2TQK5.53	Nguyễn Thị Xuân	02.02.1983	Nữ	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		7.88	16.51	Xét nghiệm y học
10	VB2TQK5.46	Phạm Thị Thu Hà	23.08.1993	Nữ	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		7.71	16.17	Công nghệ kỹ thuật môi trường
11	VB2TQK5.49	Trần Thúy Nga	28.02.1984	Nữ	Kinh	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		7.57	15.89	Sư phạm Hóa học
12	VB2TQK5.09	Bùi Thùy Trang	12.08.1996	Nữ	Kinh	Huyện Đoan Hùng, Phú Thọ	7220201	Ngôn ngữ Anh		2-NT		7.49	15.48	Dinh dưỡng

STT	Mã TS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Đối tượng	Khu vực	Điểm TBCTK (Hệ 4)	Điểm TBCTK (Hệ 10)	Điểm xét tuyển + ưu tiên	Ngành TN Văn bằng 1
13	VB2TQK5.23	Châu Thị Tâm	13.02.1989	Nữ	Tày	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	UT1	1		6.25	15.25	Kế toán
14	VB2TQK5.37	Đoàn Cường Tráng	22.08.1983	Nam	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		7.22	15.19	Toán - Tin ứng dụng
15	VB2TQK5.01	Hoàng Kim Khánh	02.09.1991	Nữ	Tày	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	UT1	1		6.03	14.81	Kế toán
16	VB2TQK5.12	Trần Minh Tuấn	31.10.1997	Nam	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		7.02	14.79	Y Đa khoa
17	VB2TQK5.45	Nguyễn Thị Thùy	19.09.1987	Nữ	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		6.93	14.61	Y học cổ truyền
18	VB2TQK5.32	Nguyễn Thị Huyền Trang	19.10.1989	Nữ	Kinh	Huyện Sơn Dương, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		6.84	14.43	Luật
19	VB2TQK5.29	Lương Văn Sơn	06.02.1985	Nam	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		6.75	14.25	Giáo dục tiểu học
20	VB2TQK5.07	Vũ Thị Lan	06.08.1980	Nữ	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		6.55	13.85	Giáo dục mầm non
21	VB2TQK5.24	Trần Tuấn Bình	24.02.1978	Nam	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		6.50	13.75	Bác sĩ đa khoa
22	VB2TQK5.22	Tổng Văn Trường	20.08.1985	Nam	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		6.46	13.67	Công nghệ thông tin
23	VB2TQK5.21	Lê Thị Ngọc Anh	07.11.1980	Nữ	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		6.43	13.61	Toán học
24	VB2TQK5.04	Nguyễn Ngọc Anh	29.03.1983	Nam	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		6.06	12.87	SP Ngữ Văn
25	VB2TQK5.20	Nguyễn Hữu Nam	20.03.1987	Nam	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1		6.00	12.75	Cơ khí
26	VB2TQK5.43	Cu Thanh Thủy	26.03.2003	Nữ	HMôn g	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	UT1	1	3.70		10.15	Giáo dục tiểu học
27	VB2TQK5.30	Ma Thị Huyền	29.08.1999	Nữ	Tày	Huyện Chiêm Hóa, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	UT1	1	3.62		9.99	Giáo dục tiểu học

STT	Mã TS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Đối tượng	Khu vực	Điểm TBCKT (Hệ 4)	Điểm TBCKT (Hệ 10)	Điểm xét tuyển + ưu tiên	Ngành TN Văn bằng 1
28	VB2TQK5.44	Lù Thị Hồng	28.11.2002	Nữ	HMôn g	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	UT1	1	3.20		9.15	Giáo dục tiểu học
29	VB2TQK5.27	Nguyễn Trần Diệu Linh	09.06.1994	Nữ	Cao Lan	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	UT1	1	2.95		8.65	Luật
30	VB2TQK5.26	Hoàng Trung Thành	06.01.2002	Nam	Tày	Huyện Lâm Bình, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	UT1	1	2.88		8.51	Kinh tế nông nghiệp
31	VB2TQK5.41	Đặng Trần Hữu Trung	25.09.2003	Nam	Cao Lan	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	UT1	1	2.82		8.39	Sư phạm Lịch sử
32	VB2TQK5.10	Đỗ Thị Hồng Nhung	08.11.2002	Nữ	Kinh	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1	3.67		8.09	Giáo dục tiểu học
33	VB2TQK5.48	Đỗ Thị Phương Thảo	17.02.2003	Nữ	Kinh	Huyện Sơn Dương, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1	3.66		8.07	Giáo dục tiểu học
34	VB2TQK5.11	Bùi Mai Hương	01.01.2000	Nữ	Kinh	Huyện Hàm Yên, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1	3.63		8.01	Giáo dục tiểu học
35	VB2TQK5.36	Nguyễn Thị Hương Giang	20.02.1996	Nữ	Cao Lan	Huyện Sơn Dương, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	UT1	1	2.54		7.83	Quản lý nhà nước
36	VB2TQK5.28	Nguyễn Minh Hằng	24.02.1998	Nữ	Tày	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	UT1	1	2.54		7.83	Luật
37	VB2TQK5.34	Nguyễn Mỹ Trang	27.07.2003	Nữ	Kinh	Huyện Hàm Yên, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1	3.54		7.83	Giáo dục tiểu học
38	VB2TQK5.17	Phúc Mạnh Hùng	07.08.1994	Nam	Tày	Huyện Na Hang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	UT1	1	2.52		7.79	Công nghệ kỹ thuật hóa học
39	VB2TQK5.02	Nguyễn Thị Phương Thảo	09.11.1997	Nữ	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1	3.50		7.75	Giáo dục tiểu học
40	VB2TQK5.05	Trần Trung Kiên	21.06.2001	Nam	Nùng	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	UT1	1	2.49		7.73	Luật
41	VB2TQK5.39	Trần Thanh Hoài	02.07.2002	Nữ	Kinh	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1	3.44		7.63	Dược học
42	VB2TQK5.33	Tạ Văn Thu	10.05.1999	Nữ	Cao Lan	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	UT1	1	2.44		7.63	Y học cổ truyền

STT	Mã TS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Đối tượng	Khu vực	Điểm TBCTK (Hệ 4)	Điểm TBCTK (Hệ 10)	Điểm xét tuyển + ưu tiên	Ngành TN Văn bằng 1
43	VB2TQK5.13	Hứa Thị Hậu	10.08.1996	Nữ	Tày	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	UT1	1	2.34		7.43	Y khoa
44	VB2TQK5.40	Nguyễn Hà Duy	08.10.1998	Nam	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1	3.31		7.37	Sư phạm Toán học
45	VB2TQK5.55	Trần Ngô Minh Đức	23.07.1993	Nam	Kinh	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1	3.26		7.27	Y Đa khoa
46	VB2TQK5.47	Đỗ Thị Lan	12.06.1996	Nữ	Cao Lan	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	UT1	1	2.08		6.91	Y học cổ truyền
47	VB2TQK5.03	Nguyễn Minh Tâm	04.10.1997	Nữ	Kinh	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1	2.82		6.39	Y học cổ truyền
48	VB2TQK5.16	Lê Thị Kim Huyền	05.10.1995	Nữ	Kinh	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1	2.72		6.19	Nuôi trồng thủy sản
49	VB2TQK5.31	Bùi Trần Thị Minh Hà	29.07.1992	Nữ	Kinh	Huyện Sơn Dương, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1	2.71		6.17	Luật
50	VB2TQK5.51	Đào Quang Minh	07.08.2003	Nam	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1	2.64		6.03	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
51	VB2TQK5.25	Nguyễn Bảo Giang	25.06.1999	Nữ	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1	2.61		5.97	Dược sĩ
52	VB2TQK5.15	Nguyễn Hoàng Lan	01.01.1996	Nữ	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1	2.59		5.93	Y học cổ truyền
53	VB2TQK5.18	Nguyễn Thị Phương Thảo	16.08.1992	Nữ	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1	2.52		5.79	Y Đa khoa
54	VB2TQK5.06	Vũ Mạnh Hùng	16.10.2001	Nam	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1	2.50		5.75	Luật
55	VB2TQK5.42	Nguyễn Thúy Hằng	01.11.1996	Nữ	Kinh	TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh		1	2.40		5.55	Kế toán

Ấn định danh sách: 55 thí sinh 

